

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 825/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C.

Địa chỉ: Phường TMT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đào Văn V.

Địa chỉ: 15D/3, tổ 37, khu phố 5, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị C và ông Đào Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Đào Văn V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 288 TH, quyển số 02/97, ngày 31/3/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị C và ông Đào Văn V không còn giá trị.

2.2 Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Đào Thị Thuỳ D sinh ngày 17/10/1996 (đã trưởng thành), Đào Thị Hồng N sinh ngày 08/12/2002, Đào Thị Thanh T sinh ngày 08/3/2005, Đào Thành Đ sinh ngày 09/7/2006. Đôi bên thoả thuận giao 03 (ba) con chung Đào Thị Hồng N, Đào Thị Thanh T và Đào Thành

Đ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên. Bà C không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi các con chung.

Khi cần thiết vì quyền lợi mọi mặt của con, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung.

2.3 Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2.5 Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm hòa giải thành là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Trần Thị C thỏa thuận nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0105077 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Trần Thị C số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Hữu Hạnh

